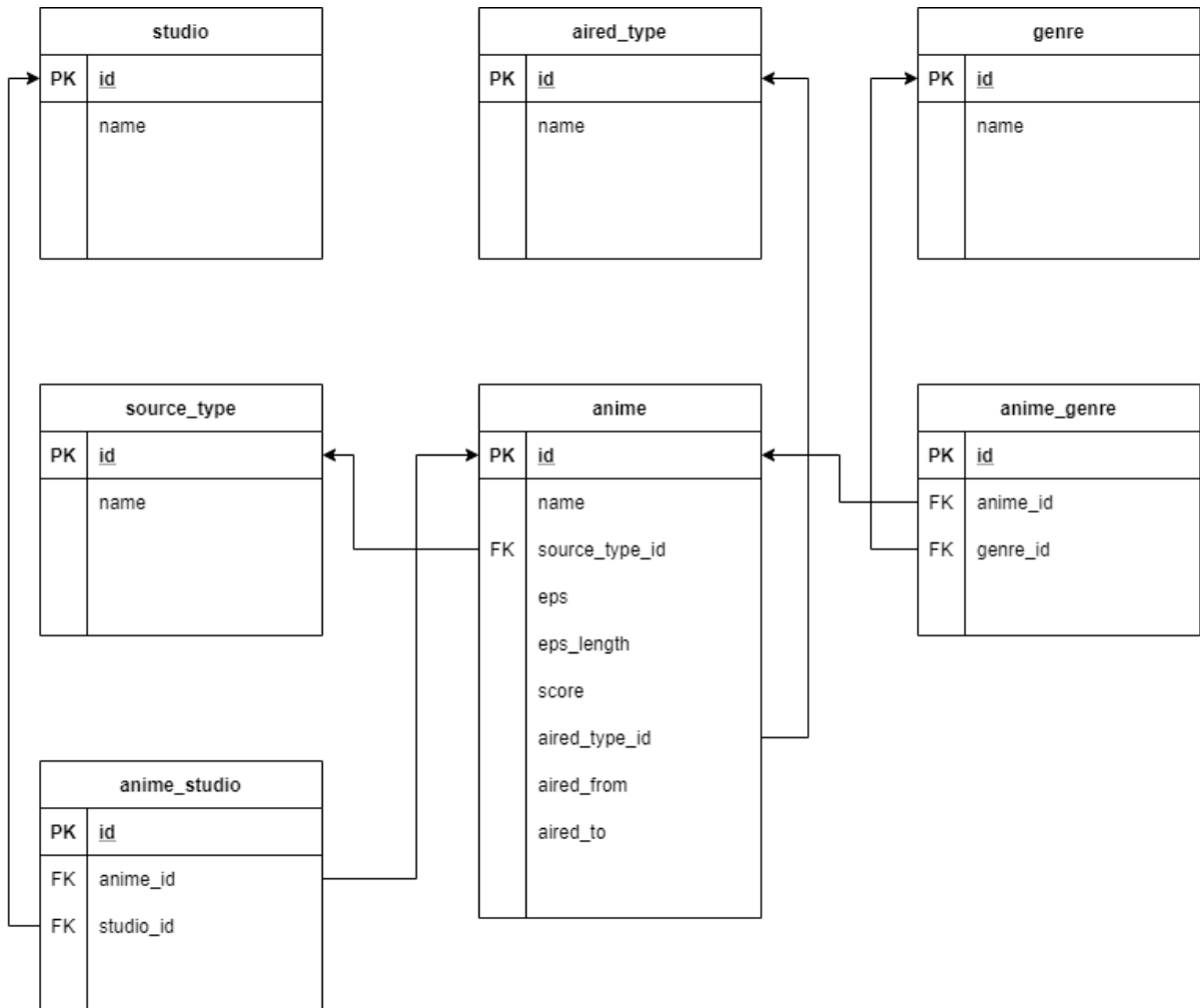


Phần 1

Cho mô hình dữ liệu sau



Với mô hình trên và dữ liệu mẫu từ file sheet ‘sample’ trong file ‘csdl03.xlsx’, hãy tạo một csdl phù hợp.

Phần 2

Thêm dữ liệu vào các bảng ‘aired_type’ và ‘source_type’ với nguồn lấy từ sheet ‘data’ trong file ‘csdl03.xlsx’.

Chạy các file ‘studio.sql’, ‘genre.sql’, ‘anime.sql’, ‘anime_genre.sql’, ‘anime_studio.sql’ theo thứ tự để thêm dữ liệu vào các bảng còn lại.

Phần 3

Viết các câu truy vấn sau:

1. Đếm số lượng studio.
2. Đếm số lượng anime.
3. Đếm số lượng genre.
4. Truy vấn những anime được phát sóng trong năm 2008.
5. Truy vấn những anime có tên bắt đầu bằng chữ 'O'.
6. Truy vấn những anime mà tên có từ 'Doraemon'.
7. Truy vấn những phim điện ảnh mà tên có từ 'Conan'.
8. Truy vấn 10 anime có điểm số cao nhất.
9. Truy vấn 20 anime có tổng thời gian xem lâu nhất.
10. Truy vấn những anime phát sóng trong ít nhất 5 năm, sắp xếp giảm dần theo điểm. Lưu ý: nếu aired_to là null thì xem như aired_to = '2019-12-31'.
11. Truy vấn 25 anime có số tập nhiều nhất.
12. Truy vấn 10 anime đầu tiên được lên sóng.
13. Truy vấn tên studio và số lượng anime được sản xuất bởi studio đó, sắp xếp giảm dần theo số lượng.
14. Truy vấn studio có điểm trung bình những anime mà họ sản xuất cao nhất.
15. Truy vấn 5 genre phổ biến nhất.
16. Truy vấn điểm trung bình của từng genre.
17. Truy vấn 5 genre phổ biến nhất trong giai đoạn 2010 - 2014.
18. Đếm số lượng anime trong từng thập niên.
19. Truy vấn những anime của 'Studio Ghibli'. sắp xếp giảm dần theo điểm.
20. Truy vấn tên, số lượng từng genre của những anime do 'A-1 Pictures'.
21. Truy vấn những anime không có genre.
22. Truy vấn tên source_type và số lượng anime mỗi source_type.
23. Truy vấn số lượng anime theo hình thức phát sóng với những anime được phát sóng từ năm 2010.
24. Tính tổng thời gian phát sóng của từng hình thức, sắp xếp giảm dần theo tổng thời gian
25. Truy vấn 10 studio có tổng thời gian anime điện ảnh lớn nhất.